

# KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ VIỆC SỬ DỤNG CÂY THUỐC, BÀI THUỐC CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THÁI TẠI HUYỆN QUẾ PHONG VÀ TƯƠNG DƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Nguyễn Trọng Chung<sup>1</sup>, Đào Văn Châu<sup>1</sup>, Phạm Văn Năm<sup>1</sup>, Vương Đình Tuấn<sup>1</sup>, Phạm Đức Tân<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

*Tài nguyên cây thuốc của nước ta tương đối phong phú, song đang có nguy cơ suy giảm mạnh do vấn đề khai thác ồ ạt. Công tác tái sinh và trồng cây thuốc chưa đủ khả năng bù đắp. Vì vậy, công tác bảo tồn, khai thác, phát triển bền vững nguồn gen và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc, bài thuốc của 54 dân tộc anh em là rất cần thiết. Huyện Quế Phong và Tương Dương là hai trong những huyện có thành phần dân tộc Thái lớn của tỉnh Nghệ An, việc bảo tồn tri thức sử dụng cây thuốc bài thuốc là một trong nhiệm vụ rất cần thiết. Kết quả điều tra, sưu tầm cây thuốc, bài thuốc trong huyện cho thấy: tại 09 xã có thành phần dân tộc Thái chiếm ưu thế có 21 bài thuốc dân gian được lưu truyền và sử dụng phổ biến tập trung vào các nhóm bệnh như gan, thận, tiêu hóa. Có 100 loài cây dược liệu được sử dụng phổ biến trong các bài thuốc dân gian, có sự đa dạng về dạng sống với nhóm cây thân thảo và thân gỗ chiếm tỷ lệ cao nhất đạt 55%, 28%.*

**Từ khóa:** *Cây thuốc Thái, bảo tồn cây thuốc, đa dạng loài, huyện Tương Dương, huyện Quế Phong.*

**DOI:** <https://doi.org/10.70117/hdujs.71.2024.684>

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng bào các dân tộc Việt Nam đã có bề dày lịch sử về việc sử dụng cây cỏ để làm thuốc và tri thức về cây thuốc được con người lưu truyền từ đời này sang đời khác, từ đó chỉ dẫn chúng ta biết cách sử dụng các loài cây cỏ có sẵn làm thuốc chữa bệnh và bồi bổ sức khỏe. Cho đến nay kho tàng kiến thức và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của nhân loại ngày càng trở nên phong phú và đa dạng [6].

Cây thuốc có số lượng loài lớn nhất trong thảm thực vật ở Việt Nam [5], nhưng việc khai thác bừa bãi, đốt phá rừng... đã làm cho rừng và hệ sinh thái bị đe dọa nghiêm trọng, nhiều loài cây thuốc kiệt quệ và đang đứng trước nguy cơ bị tuyệt chủng. Đặc biệt, tình trạng lạm dụng khai thác không đi đôi với bảo tồn, dẫn tới sự suy giảm nguồn tài nguyên thực vật, trong đó có nguồn tài nguyên cây thuốc. Hàng trăm loài cây thuốc quý cạn kiệt và mất đi, đó là một mối đe dọa nghiêm trọng đối với sự đa dạng sinh học, cân bằng sinh thái, đe dọa sự sống của cộng đồng cũng như bản sắc dân tộc người Thái.

Tài nguyên dược liệu nước ta tương đối phong phú, song đang có nguy cơ suy giảm mạnh do vấn đề khai thác ồ ạt. Trong khi đó, công tác tái sinh và trồng cây thuốc chưa đủ

<sup>1</sup> Trung tâm Nghiên cứu Dược liệu Bắc Trung bộ; Email:nguyentrongchung@gmail.com

khả năng bù đắp [4]. Vì vậy, công tác bảo tồn nguồn gen, giống cây thuốc Y học cổ truyền và kinh nghiệm sử dụng cây thuốc, bài thuốc của 54 dân tộc anh em là rất cần thiết. Đây là cơ sở để giữ lại các nguồn gen quý, nhân giống, hoặc phát triển các nguồn gen khi cần thiết, phục vụ công tác nghiên cứu lâu dài và bền vững [6].

Bên cạnh đó thế giới cũng hướng đến việc sử dụng thuốc có nguồn gốc thực vật, do phát hiện ra các tác dụng không mong muốn của nhiều loại thuốc tổng hợp hóa học. Chính vì vậy, nhu cầu của thế giới về cây thuốc ngày càng tăng cao. Trong xu thế đó, việc điều tra tri thức bảo tồn cây thuốc cổ truyền và một số bài thuốc của các dân tộc sinh sống tại Việt Nam đã góp phần bảo vệ gần 1/3 số loài thực vật trong nước góp chung vào sự đa dạng nguồn gen dược liệu thế giới, đồng thời gìn giữ nền Y dược học cổ truyền dân tộc, bảo tồn, phát huy truyền thống văn hóa và lịch sử của nước nhà.

Huyện Quế Phong và huyện Tương Dương là 02 huyện miền núi khó khăn của tỉnh Nghệ An, nơi tập trung và sinh sống của rất nhiều thành phần các dân tộc mà trong đó dân tộc Thái chiếm một tỷ lệ rất lớn. Xuất phát từ những lý do trên nhóm nghiên cứu đã tiến hành nhiệm vụ *Điều tra khảo sát tri thức sử dụng cây thuốc, bài thuốc của đồng bào dân tộc Thái tại 02 huyện Quế Phong và Tương Dương, tỉnh Nghệ An.*

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm nghiên cứu

Các loài cây thuốc, bài thuốc của đồng bào dân tộc Thái tại 02 huyện Quế Phong và Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023.

Địa điểm nghiên cứu: Các xã thuộc huyện Quế Phong và huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

*Phương pháp thu thập thông tin thứ cấp:* Thu thập và sử dụng các số liệu, thông tin làm cơ sở cho nghiên cứu từ các nguồn tài liệu sách, website tham khảo, báo cáo hoặc bài báo nghiên cứu về địa điểm và các vấn đề liên quan đến nghiên cứu.

*Phương pháp điều tra, thu thập thông tin sơ cấp:* Thiết kế phiếu điều tra và phỏng vấn. Sử dụng phương pháp đánh giá khu vực có sự tham gia của cộng đồng người dân tộc điều tra (PRA). Trong đó, phỏng vấn người dân tộc Thái có nhiều kinh nghiệm, kiến thức về sử dụng cây thuốc, bài thuốc y học cổ truyền, y học dân gian như: các lương y ở các nhà thuốc nam, những người chữa bệnh cho người dân tại địa phương (ông lang, bà mẹ); các thầy bốc thuốc nam ở các chùa, các già làng, trưởng bản; những người đi thu hái thuốc, các hộ trồng và kinh doanh, buôn bán cây thuốc tại địa phương... với bộ câu hỏi đã soạn thảo được ghi thành phiếu điều tra cây thuốc và phiếu điều tra bài thuốc.

Dựa vào kết quả điều tra, thu thập về tri thức bản địa cây thuốc và bài thuốc của các dân tộc thiểu số, tiến hành phân tích và đánh giá về đa dạng thành phần loài, bộ phận sử dụng và công dụng theo hướng dẫn của Thông tư số 19/2018/TT-BYT Danh mục thuốc

thiết yếu theo Khung phân hạng mới của IUCN-1994; Nguyễn Tập (2001) về việc Áp dụng khung phân hạng mới của IUCN-1994 để đánh giá tình trạng bị đe dọa đối với các loại cây thuốc cần bảo tồn ở Việt Nam hiện nay và Đỗ Tất Lợi (2013) Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam [1][2][3].

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Đặc điểm tự nhiên - xã hội tại các khu vực nghiên cứu

##### 3.1.1. Đặc điểm tự nhiên của huyện huyện Quế Phong và huyện Tương Dương

Huyện Quế Phong cách thành phố Vinh 180 km, có 15 km đường quốc lộ 48 chạy qua huyện, giao thông trên địa bàn nội huyện và giao lưu kinh tế với bên ngoài còn khó khăn. Nằm trong vùng kinh tế Tây Nghệ An đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và là huyện có vị trí quan trọng, chiến lược về an ninh quốc phòng. Địa giới hành chính của huyện trải rộng trên 13 xã và 01 thị trấn: Phía Bắc giáp tỉnh Thanh Hoá; Phía Nam giáp huyện Tương Dương; Phía Đông giáp huyện Quỳnh Châu. Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là 189.543,43 ha. Địa hình huyện Quế Phong khá phức tạp, chủ yếu là đồi núi chiếm tới 70% diện tích tự nhiên.

Tương Dương là một huyện miền núi vùng cao nằm ở phía Tây Nam tỉnh Nghệ An, cách thành phố Vinh gần 200 km và cách Cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn 90 km, huyện có diện tích gấp hơn 3 lần tỉnh Bắc Ninh, rộng hơn 3 tỉnh Bắc Ninh, Hà Nam, Hưng Yên cộng lại và gần gấp đôi tỉnh Thái Bình, có quốc lộ 7A đi qua. Phía tây giáp huyện Kỳ Sơn, Phía bắc và Phía nam giáp Lào, Phía đông bắc giáp huyện Quế Phong, Phía đông giáp huyện Quỳnh Châu. Huyện có diện tích tự nhiên là 2812,07 km<sup>2</sup> (chiếm 17% diện tích toàn tỉnh) và là đơn vị cấp huyện có diện tích lớn nhất tỉnh Nghệ An và của cả nước.

##### 3.1.2. Đặc điểm xã hội - dân số

Theo thống kê của ban Dân tộc tỉnh Nghệ An năm 2022, huyện Quế Phong và Tương Dương là những huyện có tập trung của nhiều dân tộc sinh sống. Có 03 dân tộc chiếm tỷ lệ cao nhất đó là: Thái, Mông và Khơ Mú.

Theo tổng hợp số hộ, số khẩu của các dân tộc trên địa bàn 02 huyện năm 2022. Phân bố đồng bào Thái tại mỗi xã trong huyện cũng có nhiều sự khác biệt.

**Bảng 1. Phân bố đồng bào dân tộc Thái tại 2 huyện Quế Phong và Tương Dương**

STT	Huyện	Xã/Thị trấn	Dân tộc Thái	
			Số hộ	Số khẩu
1	Quế Phong	Thông Thụ	1133	5012
2		Đồng Văn	684	2971
3		Hạnh Dịch	813	3554
4		Tiền Phong	1934	8733
5		Mường Nọc	926	4120
6		Kim Sơn	1438	6039
7		Châu Kim	928	4153
8		Nậm Giải	475	2098
9		Châu Thôn	856	4152

10		Cắm Muộn	1152	6233
11		Quang Phong	1242	6643
12		Tri Lễ	1291	6072
13		Nậm Nhóng	244	1526
TỔNG			13.116	61.306
1	Tương Dương	Tam Hợp	167	674
2		Xá Lượng	341	756
3		Lưu Kiên	877	3128
4		Lượng Minh	476	973
5		Yên Na	645	2952
6		Yên Hoà	511	761
7		Yên Tĩnh	343	452
8		Yên Thắng	651	2687
9		Hựu Khuông	293	342
10		Nhôn Mai	315	452
11		Mai Sơn	253	239
12		Xiêng My	692	2078
TỔNG			5.564	15.494

Từ số liệu thu thập được thể hiện trong bảng 1, chúng tôi nhận thấy có sự phân bố không đồng đều tỷ lệ dân tộc Thái tại các xã. Đối với huyện Quế Phong, các xã có số lượng đồng bào người dân tộc Thái tập trung tại: xã Tiên Phong, thị trấn Kim Sơn, xã Cắm Muộn, xã Quang Phong và xã Tri Lễ. Tại huyện Tương Dương, đồng bào dân tộc Thái tập trung chủ yếu tại các xã vùng biên như: Yên Na, Lưu Kiên và Xiêng My. Từ những kết quả thu thập tình hình phân bố dân tộc Thái trên địa bàn hai huyện, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn 7 xã và 1 thị trấn có tỷ lệ đồng bào dân tộc Thái cao nhất tại 2 huyện đó là: Tiên Phong, Cắm Muộn, Quang Phong, Tri Lễ, Yên Na, Lưu Kiên, Xiêng My và thị trấn Kim Sơn.

### 3.2. Việc sử dụng cây thuốc của cộng đồng dân tộc Thái tại hai huyện Quế Phong và Tương Dương, tỉnh Nghệ An

Qua điều tra tri thức sử dụng cây thuốc và bảo tồn cây thuốc của cộng đồng dân tộc Thái tại 8 xã thuộc 2 huyện Quế Phong và Tương Dương, tỉnh Nghệ An cho thấy: Cộng đồng dân tộc Thái có tri thức sử dụng cây thuốc chữa bệnh rất phong phú. Kết quả đã ghi nhận được 100 loài cây thuốc thuộc các họ thực vật khác nhau được sử dụng phổ biến để chữa bệnh.

**Bảng 2. Danh lục cây thuốc thông dụng**

STT	Tên địa phương	Tên phổ thông	Tên khoa học
1	Xăm khảm	Cỏ xước	<i>Achyranthes aspera</i> L.
2	Thầu nẳng	Mã đề	<i>Plantago major</i> L.
3	Cỏ pục pà	Bưởi bung	<i>Acronychia pedunculata</i> (L.) Miq
4	Đo dót	Xạ đen	<i>Ehretia asperula</i> Zoll.et Mort.
5	Ô tê	Kê huyết đằng	<i>Killettia reticulata</i> Benth
6	Lạng pa	Trình nữ hoàng cung	<i>Crinum latifolium</i> L.
7	Tặc khẩu	Dạ cảm	<i>Hedyotis capitellata</i> Wall. ex G. Don. var. <i>mollis</i> (Pierre ex Pit.) T.N.Ninh

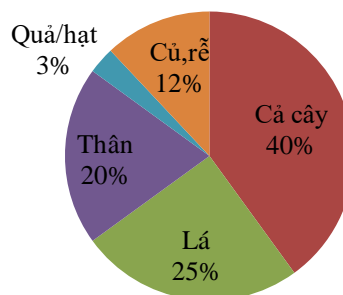
8	Púng pính	Xích đồng nam	<i>Clerodendrum paniculatum</i> L.
9	Co tốt ma	Mơ lông	<i>Paederia tomentosa</i>
10	Náng mang	Nhân trần	<i>Adenosma bracteosum</i> Bonati
11	Co ca liên	Núc nác	<i>Oroxylum indicum</i> (L.) Kurz
12	Cỏ mễ	Cỏ nhỏ nổi	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L.
13	Khánh khóm	Cà gai leo	<i>Solanum hainanense</i> Hance.
14	Nhấp cay	Cây an xoa	<i>Helicteres hirsuta</i> Lour
15	Cỏ hàn pang	Diệp cá	<i>Houttuynia cordata</i> Thunb.
16	Có phăng	Tô mộc	<i>Caesalpinia sappan</i> L.
17	Tậu huồng	Đậu biếc	<i>Clitoria ternatea</i> L.
18	Dừa dượng	Dừa cạn hoa đỏ	<i>Catharanthus roseus</i> (L.) G. Don
19	Pịa cầm	Đơn đỏ	<i>Ixora coccinea</i> L.
20	Chừa giang khảm	Kim ngân hoa	<i>Lonicera bournei</i> Hemsl.
21	Tiền cần	Sài đất	<i>Wedelia calendulacea</i> (L.) Less
22	Co phí e	Lạc tiên	<i>Passiflora foetida</i> L.
23	Phí lè	Bạc hà	<i>Mentha arvensis</i> L.
24	Thút nhau	Tổ phượng	<i>Asplenium nidus</i> L.
25	Tô kha	Chè vằng	<i>Jasminum subtriplinerve</i> Blume
26	Quế	Quế	<i>Cinnamomum cassia</i> (L.) J. Presl.
27	Hàm bìn	Diệp hạ châu	<i>Phyllanthus amarus</i> Schum. et Thonn
28	Sán lượn	Dây bồ máu	<i>Sargentodoxa</i> sp
29	Cò càng	Găng	<i>Canthium parvifolium</i> Roxb.
30		Húng vịt	<i>Murraya glabra</i> (Guill.) Sw.
31	Dàng do	Sâm cau	<i>Dracaena angustifolia</i> Roxb.
32	Han chàng	Khôi nhung tía	<i>Ardisia sylvestris</i> Pitarrrd.
33	Nhá hay cánh	Cam thảo đất	<i>Scoparia duicis</i> L.
34	Dây ế nháu	Kinh giới	<i>Elsholtzia blanda</i> (Benth.) Benth.
35		Đu đủ đực	<i>Carica papaya</i> L.
36	Già khế	Mú từng	<i>Rourea oligophlebia</i> Merr.
37	Dây ế nháu	Lá lốt	<i>Piper lolot</i> DC.
38	Theo ngạ mù	Sa nhân	<i>Amomum xanthioides</i> Wall.
39	Sên hày	Muróp đắng	<i>Momordica charantia</i> L.
40	Pa ý	Dong ta	<i>Phrynium parviflorum</i> Roxb.
41	Cây eo	Chè dây	<i>Ampelopsis cantoniensis</i> (Hook. et Arn.) Planch
42	Hãn học	Vú bò	<i>Ficus heterophylla</i> L.f.
43		Màng tang	<i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers
44		Thảo quyết minh	<i>Cassia tora</i> L.
45	San sít	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.
46	Càng có nong thấp	Trình nữ	<i>Mimosa pudica</i> L. var. <i>hispida</i> Brenan
47	Chong cá	Tam lãg	<i>Curculigo gracilis</i> (Kurz) Wall. ex Hook. f.
48	Cỏ pha ép	Côi say	<i>Abutilon indicum</i> (L.) G. Don
49	Cây ngái đại	Ngái	<i>Ficus hispida</i> L.f.
50	Cây tôm tăng	Bọ Mây	<i>Clerodendrum cyrtophyllum</i> Turcz
51	Co tốp thoi	Ngoại mộc	<i>Allophylus cobbe</i> (L.) Raeusch.
52	Sản mặt	Kim sương	<i>Micromelum falcatum</i> (Lour.) Tan
53	Má tùn	Cây húng vịt	<i>Ocimum basilicum</i> L

54	Co phi sửa	Ngũ trảo	<i>Cayratia japonica</i> (Thunb.) Gagnep.
55	Co hoa rá	Trạng nguyên	<i>Euphorbia pulcherrima</i> Willd. ex Klotzsch
56	Co phúng phính	Bạch đồng nữ	<i>Clerodendrum canescens</i> Wall. ex Schauer.
57	Co khết phái	Ké đầu ngựa	<i>Xanthium strumarium</i> L.
58	Nhá phong pi	Bụp giấm	<i>Hibiscus sabdariffa</i> L
59	Cha pít đánh	Xích hoa xà	<i>Plumbago indica</i> L.
60	Co sáy cây	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> How
61	Co ga	Lá Gai	<i>Boehmeria nivea</i>
62	Chưa hảo mùn	Hà thủ ô đỏ	<i>Reynoutria multiflora</i> (Thunb.) Moldenke
63	Co hạc tạc	Ốt Làn lá nhỏ	<i>Tabernaemontana bufalina</i> Lour.
64		Ngũ gia bì	<i>Schefflera heptaphylla</i> (L.) Frodin
65	Phá cùng long	Hải Kim sa	<i>Lyofodium japonium</i> (Thunb) SW.
66	Co tá	Trọng đũa	<i>Ardisia crenata</i> Sims
67		Náng hoa trắng	<i>Crinum asiaticum</i> L.
68	Co chày dóm	Khô sâm	<i>Croton tonkinensis</i> Gagnep.
69	Nhán nhia ráy	Thầu dầu tía	<i>Ricinus communis</i> L.
70	Co hên	Đu đủ rừng	<i>Trevesia palmata</i> (Roxb. ex Lindl.) Visan.
71	Co kha tóc lại	Cây chỉ thiên	<i>Elephantopus scaber</i> L.
72	Co hang meo	Đuôi chôn	<i>Uraria crinita</i> (L.) Desv.
73	Co đuôi	Ý dĩ	<i>Coix lachryma-jobi</i> L.
74		Râu mèo	<i>Orthosiphon spiralis</i> (Lour.) Merr.
75		Lược vàng	<i>Callisia fragrans</i> (Lindl.) Woodson
76		Phèn đen	<i>Phyllanthus reticulatus</i> Poir.
77		Hương nhu trắng	<i>Ocimum gratissimum</i> L.
78	Phi ói	Hương nhu tía	<i>Ocimum tenuiflorum</i> L.
79	Tà po	Cúc tần	<i>Pluchea indica</i> (L.) Less.
80	Cò le pe	Nghệ vàng	<i>Curcuma zanthorrhiza</i> Roxb.
81	Mèn ten	Nghệ đen	<i>Cucurma Caesia</i>
82	Gôi la	Ngải cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L.
83	Co cò ma	Gôi hạc	<i>Leea rubra</i> Blume ex Spreng.
84	Pi ú	Húng chanh	<i>Plectranthus amboinicus</i> (Lour.) Spreng.
85		Đào tiên	<i>Crescentia cujete</i> Lin.
86	La phi e	Bướm bạc	<i>Mussaenda pubescens</i> Ait.
87		Thiên niên kiện	<i>Homalomena occulta</i> (Lour.) Schott
88	Co nát	Đại bi	<i>Blumea balsamifera</i> (L.) DC.
89	Từ bi biển	Mạn kinh tử	<i>Vitex trifolia</i> L.
90		Đinh lăng	<i>Polyscias fruticosa</i> L.
91	Xua ý	Đơn đỏ (tai tượng đỏ)	<i>Acalypha wilkesiana</i> Muell.-Arg.
92		Đơn mặt trời	<i>Excoecaria cochinchinensis</i> Lour.
93		Địa liên	<i>Kaempferia galanga</i> L.
94		Mộc thông	<i>Clematis smilacifolia</i> Wall.
95		Tam thất nam	<i>Stahlianthus thorelii</i> Gagnep.
96	Co chà ao	Ngải	<i>Artemisia japonica</i> Thunb.
97		Ké hoa vàng	<i>Sida rhombifolia</i> L.
98		Dây đau xương	<i>Tinospora sinensis</i> Merr.
99		Hoa hiên	<i>Hemerocallis fulva</i> (L.) L.
100		Khúc khắc	<i>Heterosmilax gaudichaudiana</i> (Kunth) Maxim

## 3.2.1. Đa dạng về bộ phận sử dụng

**Bảng 3. Đa dạng về bộ phận sử dụng làm thuốc**

STT	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cả cây	40	40
2	Lá	25	25
3	Thân	20	20
4	Quả/hạt	3	3
5	Củ/rễ	12	12



Trong các loài cây dược liệu bộ phận thường được sử dụng làm thuốc như: thân, lá, rễ, hoa, quả, thậm chí một số loài có thể sử dụng toàn bộ cây để chế biến thuốc. Qua điều tra thu thập thông tin các bài thuốc, cây thuốc của đồng bào dân tộc Thái tại 2 huyện Tương Dương và Quế Phong thuộc tỉnh Nghệ An, chúng tôi nhận thấy, tới 40% số lượng cây thuốc được sử dụng trong bài thuốc là sử dụng toàn bộ cây để chế biến, tiếp đến là nhóm cây sử dụng lá trong các bài thuốc chiếm 25%, sử dụng thân chiếm 20%, nhóm cây sử dụng quả và hạt trong các bài thuốc chiếm tỷ lệ rất ít đạt 2%.

## 3.2.2. Đa dạng về dạng sống

**Bảng 4. Đa dạng về dạng sống**

STT	Dạng sống	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thân gỗ	28	28
2	Thân thảo	55	55
3	Thân leo	17	17

Qua điều tra, khảo sát cây thuốc, bài thuốc cộng đồng dân tộc Thái tại 2 huyện thuộc tỉnh Nghệ An, nhóm nghiên cứu nhận thấy, với 100 loài cây dược liệu phổ biến trong các bài thuốc dân gian không chỉ đa dạng về bộ phận dùng mà còn rất đa dạng về dạng sống. Trong 100 loài cây thuốc trên, nhóm cây thuốc thân thảo chiếm tỷ lệ nhiều nhất với 55%, tiếp đến là nhóm cây thân gỗ với 28%, sau đó là thân leo tỷ lệ là 17% .

## 3.2.3. Đa dạng về môi trường sống

**Bảng 5. Đa dạng về môi trường sống**

STT	Môi trường sống	Số lượng loài	Tỷ lệ (%)
1	Trong rừng, dưới tán	30	30
2	Ven suối ẩm	3	3
3	Trong đồi, dưới tán	7	7
4	Nương rẫy, thảm cỏ	8	8
5	Vườn nhà	52	52

Qua bảng 5, chúng tôi nhận thấy với 100 loại cây thuốc hay dùng trong các bài thuốc thì môi trường sống tập trung với 05 sinh cảnh mà đa số là nhóm trồng ở vườn nhà với 52%, tiếp đến là nhóm sống trong rừng và dưới tán chiếm 30%, nhóm còn lại chủ yếu tập trung tại các đồi thấp và ven khu vực sông suối.

### 3.2.4. Đa dạng về giá trị làm thuốc

**Bảng 6. Đa dạng về giá trị làm thuốc**

STT	Giá trị làm thuốc	Số lượng loài	Tỉ lệ (%)
1	Bệnh cảm sốt, cảm cúm, nhức đầu	14	14
2	Bệnh ngoài da	13	13
3	Bệnh lý về gan	20	20
4	Bệnh lý về thận	10	10
5	Thanh nhiệt, giải độc	9	9
6	Xương khớp	20	20
7	Tiêu viêm, giảm đau	4	4
8	Tăng miễn dịch	2	2
9	Bệnh lý đường tiêu hoá	8	8

Qua bảng 6, chúng tôi nhận thấy với 9 nhóm công dụng chính của các cây thuốc phổ biến mà đồng bào dân tộc Thái hay sử dụng, tập trung chính vào nhóm công dụng trị gan và xương khớp chiếm 20%, sau đó đến nhóm cây có tác dụng điều trị các bệnh cảm cúm và bệnh ngoài da chiếm tỷ lệ lần lượt là 14% và 13%. Như vậy, không chỉ đa dạng về thành phần loài mà với 100 cây thuốc thông dụng cũng đã thể hiện rõ mức độ đa dạng trong tác dụng điều trị bệnh.

### 3.3. Kết quả điều tra tri thức sử dụng bài thuốc của đồng bào dân tộc Thái tại các điểm điều tra

Nhóm nghiên cứu thực hiện điều tra khảo sát các bài thuốc dân gian mà cộng đồng dân tộc Thái thường hay sử dụng bằng các phiếu thông tin, đồng thời nhóm nghiên cứu kết hợp với hội đồng y, trạm y tế các xã đến tận nơi, tận nhà các lang y, tìm hiểu sưu tầm một số bài thuốc cổ truyền.

**Bảng 7. Đa dạng về giá trị sử dụng của các bài thuốc cổ truyền**

STT	Tên bài thuốc	Số lượng	Tỷ lệ %	STT	Tên bài thuốc	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Dạ dày	3	14	6	Tắm sau sinh	1	5
2	Gan	1	5	7	Khớp	3	14
3	Sỏi thận/mật	3	14	8	An thần	2	9
4	Viêm da	1	5	9	Tiêu độc/tiêu viêm	1	5
5	Hô hấp	4	20	10	Điều kinh/u nang	2	9

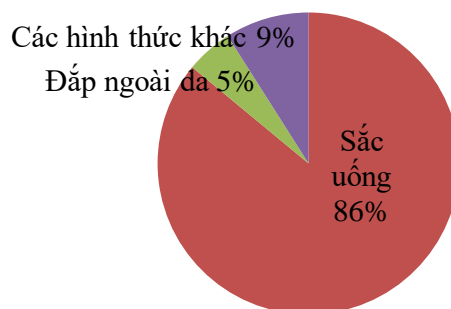
Qua bảng 7, chúng tôi nhận thấy, với tổng 21 bài thuốc được chia theo 10 nhóm bệnh phổ biến. Trong đó, nhóm các bài thuốc chữa bệnh về hô hấp, dạ dày, sỏi thận/mật và xương khớp chiếm một số lượng lớn nhất, tiếp theo đó là các nhóm bệnh an thần/tiêu viêm, viêm da.



Trong những năm gần đây, do biến đổi khí hậu, chế độ ăn uống mà các bệnh liên quan đến gan, thận, khớp ngày một gia tăng, nhu cầu sử dụng các bài thuốc chữa bệnh của người dân theo nhóm bệnh này có số lượng cao hơn hẳn các nhóm bệnh còn lại.

**Bảng 8. Đa dạng về cách sơ chế**

STT	Cách sơ chế	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Sắc uống	18	86
2	Đắp ngoài da	1	5
3	Các hình thức khác	2	9



Để phát huy hết tác dụng của các loại cây thuốc, ngoài việc kết hợp đúng các cây thuốc vị thuốc, một phần hết sức quan trọng đó là cách sơ chế và sử dụng. Theo thống kê trên, các bài thuốc dân gian sưu tầm được chủ yếu sử dụng bằng cách sắc uống chiếm 86% số lượng bài thuốc đã sưu tầm được, các hình thức khác cũng có nhưng số lượng không đáng kể.

#### 4. KẾT LUẬN

Qua điều tra thu thập thông tin cây thuốc, bài thuốc của đồng bào dân tộc Thái tại 2 huyện Quế Phong và Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Nhóm nghiên cứu đã sưu tầm và tổng hợp được 21 bài thuốc dân gian và 100 loài cây thuốc thông dụng được sử dụng phổ biến trong các bài thuốc. Các bài thuốc dân gian của dân tộc Thái tại 2 huyện Quế Phong và Tương Dương, tỉnh Nghệ An tập trung vào các bệnh lý về hô hấp, dạ dày và khớp với tỷ lệ lần lượt là 20%, 14%, 14%. Các bài thuốc sử dụng bằng cách sắc uống là chủ yếu, các phương thức khác có nhưng không đáng kể. Các cây thuốc sử dụng trong các bài thuốc cũng rất đa dạng và phong phú tập trung chủ yếu ở nhóm cây thân thảo với tỷ lệ 55%, tiếp đến là nhóm thân gỗ là 28%, cuối cùng là nhóm thân bụi. Bộ phận sử dụng của các cây thuốc trong bài thuốc cũng rất đa dạng tập trung chủ yếu ở các bộ phận thân, lá; riêng một số bộ phận khác như củ và quả thì ít được sử dụng.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Y tế (2018), *Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 Ban hành danh mục thuốc thiết yếu theo khung phân hạng mới của IUCN-1994.*
- [2] Đỗ Tất Lợi (2013), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Tập (2001), *Áp dụng khung phân hạng mới của IUCN-1994 để đánh giá tình trạng bị đe dọa đối với các loài cây thuốc cần bảo tồn ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Dược liệu, 6(2+3):42-45.
- [4] Phạm Hoàng Hộ (2000), *Cây cỏ Việt Nam*, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Viện Dược liệu (2016), *Danh lục cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- [6] Viện Dược liệu, *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ Bảo tồn nguồn gen và giống cây thuốc các năm 2017, 2018, 2019* (Tài liệu lưu hành nội bộ).

## SURVEY AND EVALUATION OF THE USE OF MEDICAL PLANTS AND REMEDIES OF THE THAI ETHNIC COMMUNITY IN QUE PHONG AND TUONG DUONG DISTRICTS - NGHE AN PROVINCE

Nguyen Trong Chung, Dao Van Chau, Pham Van Nam, Vuong Dinh Tuan, Pham Duc Tan

### ABSTRACT

*Our country's medicinal resources are relatively rich, but are at risk of sharp decline due to massive exploitation. Regeneration and planting of medicinal plants is not enough to compensate. Therefore, the work of preserving genetic resources, traditional medicinal plant varieties and experience in using medicinal plants of 54 ethnic groups is very necessary. Que Phong and Tuong Duong districts are one of the districts with a large proportion of Thai ethnic in Nghe An province, preserving the knowledge of using medicinal plants and remedies is a very necessary task. The results of the investigation into the collection of medicinal plants and remedies in the district show that: in 09 communes dominated by the Thai ethnic group, there are 21 folk remedies that are handed down and commonly used, focusing on disease groups such as liver, kidney, digestion. There are 100 species of medicinal plants commonly used in folk remedies, with a diversity of life forms with herbaceous and woody plants accounting for the highest proportion at 55% and 28%.*

**Keywords:** *Thai medicinal plants, medicinal plant conservation, species diversity.*

\* Ngày nộp bài: 11/4/2024; Ngày gửi phản biện: 12/4/2024; Ngày duyệt đăng: 4/10/2024